

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 -4 - 2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Anh Đại;

Ông Trịnh Tuấn Sỹ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số D đường P, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Văn M trình bày:

Ông và bà Lê Thị T được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ theo nghi thức cổ truyền, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 02/12/1988. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ cuối năm 2019 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Lê Thị T nghi ngờ ông ngoại tình. Kể từ đó, cuộc sống hôn nhân không hòa

hợp, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Vợ chồng cả hai luôn trong trạng thái tinh thần căng thẳng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đến tháng 9/2022 ông đã dọn ra ngoài ở riêng đến nay (ông ra thành phố L sinh sống, còn bà Lê Thị T vẫn ở thị trấn L. Hai vợ chồng nhiều lần thẳng thắn trao đổi để gài gỡ hôn nhân, các con, anh chị em trong gia đình cũng nhiều lần hợp, trao đổi, tháo gỡ để vợ chồng bao dung, hóa giải, hàn gắn tình cảm, đều thất bại. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm nhau, kinh tế hoàn toàn tách biệt, việc hiếu hỷ của anh em họ hàng của bên nào bên nấy tự đi, không liên lạc gì với nhau. Tháng 11/2024, vợ chồng ông đã nghiêm túc xem lại quan hệ hôn nhân, xác định rõ là tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn trở lại, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn, tuy nhiên bà Lê Thị T không tham gia khi Tòa án triệu tập. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị T.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị T có 02 con chung là Hoàng Thu T1, sinh ngày 01/7/1992 và Hoàng Thu U, sinh ngày 21/11/1994, đều đã trưởng thành, có công ăn việc làm, các con đã xây dựng gia đình riêng, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Theo các văn bản trả lời đề ngày 22/11/2024, 10/02/2023, biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn bà Lê Thị T xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn và hiện không còn sống chung như lời trình bày của ông Hoàng Văn M là đúng. Đơn trình bày với nội dung lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn giải quyết ly hôn đúng là do bà ký, văn bản tố tụng Tòa gửi qua đường bưu điện bà đều nhận được. Do bận công tác nên bà không thể đến Tòa án theo giấy triệu tập, đã gửi văn bản trả lời đối với thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, bà nhất trí ly hôn ông Hoàng Văn M, bà nhất trí các tài liệu chứng cứ do ông Hoàng Văn M cung cấp. Tuy nhiên, bà không nhất trí tham gia hòa giải, mà đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án và bà đề nghị được vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thu T1, sinh ngày 01/7/1992 và Hoàng Thu U, sinh ngày 21/11/1994, đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng bà không có khoản nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý, giải quyết vụ

án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp; thực hiện thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đầy đủ, đúng quy định; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thành phần, trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và chấp hành đúng nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng; bị đơn đã thực hiện đúng quyền, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề xuất giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M, cho ông Hoàng Văn M được ly hôn với bà Lê Thị T; về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự. Nội dung yêu cầu, kiến nghị, khắc phục vi phạm không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Hoàng Văn M sinh sống tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết ly hôn, bà Lê Thị Thu cư T2 tại thị trấn L, huyện L; nguyên đơn, bị đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn".

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt lần thứ nhất có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn M và bà Lê Thị T kết hôn vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 02/12/1988, do đó hôn nhân giữa ông Hoàng Văn M và bà Lê Thị T là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Qua lời khai của ông Hoàng Văn M và bà Lê Thị T xác định, sau khi kết hôn, chung sống đến năm 2019 vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ông Hoàng Văn M xin ly hôn là do bà Lê Thị T nghi ngờ ông ngoại tình, nên không còn quan tâm nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay, kinh tế hoàn toàn tách biệt, việc hiếu hỷ của anh em họ hàng của bên nào bên nấy tự đi, không liên lạc gì với nhau. Năm 2023 ông Hoàng Văn M khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tại Bản án số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và Bản án số 05/2023/HNGĐ-PT ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Văn M với bà Lê Thị T. Tuy nhiên, từ sau thời điểm xét xử phúc thẩm tháng 7/2023 đến nay ông Hoàng Văn M và bà Lê Thị T không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, vẫn sống ly thân ở hai nơi khác nhau, không còn tình cảm, không có sự gắn kết chung tay chia sẻ, xây dựng gia đình. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Hoàng Văn M yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận, cho ông Hoàng Văn M được ly hôn với bà Lê Thị T.

[5] Về con chung: Ông Hoàng Văn M và bà Lê Thị T đều khai có 02 con chung là Hoàng Thu T1, sinh năm 1992 và Hoàng Thu U, sinh ngày năm 1994, đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: ông Hoàng Văn M và bà Lê Thị Thu T3 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nợ chung.

[8] Về án phí: Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Hoàng Văn M được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 246; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hoàng Văn M ly hôn với bà Lê Thị T. (*Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/12/1988 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung: Ông Hoàng Văn M và bà Lê Thị Thu T3 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nợ chung.

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Hoàng Văn M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0000534 ngày 02/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Lộc Bình, H. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Ninh